TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 279/2025/HS-PT
Ngày 10/9/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 182/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn", do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai).

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Nguyễn Văn B, sinh ngày 20/02/1993 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng (trước đây là Tổ dân phố K, phường L, quận A, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q; vợ là Phạm Thị L (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 11/10/2024 đến ngày 08/3/2025 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/12/1988 tại Hải Phòng; cư trú tại: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng (trước đây là Tổ dân phố H, phường A, quận A, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q; vợ là Nguyễn Thanh H (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng

biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; có mặt.

* Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn Đ1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2022, Nguyễn Văn B cùng với Nguyễn Văn T (là anh ruột của B) thống nhất cùng nhau thành lập công ty để kinh doanh. Nguyễn Văn T thuê Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1990, trú tại khu B, xã S, thành phố V, tỉnh Phú Thọ làm dịch vụ đăng ký thành lập công ty với giá 6.000.000 đồng/01 công ty. Trong thời gian đợi thành lập công ty thì Nguyễn Văn B rủ Nguyễn Văn C (là anh trai ruột của B) tìm khách hàng để bán trái phép hóa đơn với giá là 1,2% tổng tiền hàng hoá ghi trong hoá đơn (chưa tính thuế GTGT). Đến ngày 27/12/2022, Nguyễn Thanh T1 đã thành lập Công ty TNHH T4 HĐ, mã số thuế 5200934895 (gọi tắt là Công ty T4), có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái với Giám đốc là Nguyễn Văn V, sinh ngày 19/10/1995, trú tại khu B, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng, đồng thời T1 chuyển toàn bộ hồ sơ thành lập (giấy đăng ký kinh doanh, con dấu, chữ ký số USB token…) cho Nguyễn Văn T, sau đó T đưa lại cho B toàn bộ tài liệu hồ sơ của Công ty T4 HĐ. Lúc này, B nói với T là có khách mua hoá đơn trái phép của Công ty T4 HĐ, với số tiền là 1,2% tổng tiền hàng hoá ghi trong hoá đơn, thì T bảo với B việc mua bán hoá đơn trái phép là vi phạm pháp luật và bảo B không được bán trái phép hoá đơn của Công ty T4 HĐ. Do đó, B và T đã thống nhất sẽ bán Công ty T4 (các giấy tờ, dấu, chữ ký số…) để thu lại số tiền đã thuê Nguyễn Thanh T1 đăng ký thành lập công ty chứ không xuất bán hóa đơn trái phép. Sau khi được T đưa toàn bộ hồ sơ, chữ ký số USB Token của Công ty T4 HĐ thì Nguyễn Văn B đã bàn bạc thống nhất với Nguyễn Văn C vẫn bán trái phép hóa đơn từ Công ty T4 HĐ nhưng không cho Nguyễn Văn T biết.

Đến đầu năm 2023, B và C muốn thành lập thêm các công ty khác để thuận tiện trong việc mua bán trái phép hóa đơn nên B đã nhờ T thành lập thêm các công ty (nhưng không cho T biết mục đích để bán trái phép hóa đơn mà chỉ bảo thành lập để bán công ty kiếm lời). Nguyễn Văn T đã thuê Nguyễn Thành T2 thành lập mới các công ty sau:

- Công ty TNHH T5 HĐ, mã số thuế 5200935352 (gọi tắt là Công ty T5), có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái; Giám đốc là Phạm Văn T3, sinh năm 1975, trú tại xóm A, thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Y đăng ký lần đầu cấp ngày 23/02/2023.

- Công ty TNHH T6, mã số thuế 5200937889 (gọi tắt là Công ty T6), có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái; Giám đốc là Ngô Văn C1, sinh ngày 16/7/1988, trú tại thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Y đăng ký lần đầu cấp ngày 13/6/2023.

Nguyễn Văn B là người quản lý toàn bộ hồ sơ pháp lý, con dấu, tài khoản ngân hàng, số điện thoại Banking… của các Công ty nêu trên. Khi xuất hóa đơn, B có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục giấy tờ, tài liệu, hợp đồng… khi xuất hóa đơn trái phép (ký mạo danh tên giám đốc các công ty); nhận, chuyển tiền khi các công ty mua hóa đơn chuyển vào tài khoản công ty xuất hóa đơn và từ công ty xuất hóa đơn chuyển lại tiền theo yêu cầu của khách hàng. Còn Nguyễn Văn C có nhiệm vụ tìm khách hàng, giao dịch bàn bạc trao đổi việc bán hoá đơn trái phép (thời gian, cách thức, số lượng hàng hóa, giá cả, nhận tiền thanh toán…), nhận các hồ sơ tài liệu, giấy tờ, hợp đồng liên quan việc xuất hóa đơn. Ngoài ra, C thuê người phụ nữ tên H1 (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) làm kế toán, giúp soạn thảo nháp các hóa đơn, trực tiếp xuất hóa đơn, quản lý chữ ký số USB Token của 03 công ty, làm báo cáo tài chính, tờ khai với cơ quan thuế…, H1 được trả lương với số tiền 15.000.000 đồng/quý.

Trong quá trình bán trái phép hóa đơn từ Công ty T4 HĐ, Công ty T5 HĐ, Công ty T6, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C không làm việc trực tiếp với giám đốc hoặc đại diện pháp luật của các công ty có tên trên hóa đơn mà thông qua môi giới trung gian là Nguyễn Văn Đ1 và Ngô Văn H2. Cụ thể như sau:

*** Công ty T4 HĐ**: từ tháng 01/2023 đến tháng 5/2023, thực hiện xuất ra **85** hóa đơn GTGT điện tử, với tổng giá trị tiền hàng hoá ghi trên các hoá đơn chưa bao gồm thuế GTGT là 76.476.677.201 đồng, thuế GTGT là 7.647.555.370 đồng. Cụ thể như sau:

- Công ty TNHH T7, mã số thuế 5702062260, với 15 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 5.149.960.178 đồng, thuế GTGT là 514.883.668 đồng.

- Công ty TNHH T8, mã số thuế 2400798933, với 25 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 29.856.796.100, thuế GTGT là 2.985.679.610 đồng.

- Công ty TNHH T9, mã số thuế 2400910399, với 08 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 10.702.450.000 đồng, thuế GTGT là 1.070.245.000 đồng.

- Công ty TNHH T10, mã số thuế 4400311399, với 03 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 4.498.200.000 đồng, thuế GTGT là 449.820.000 đồng.

- Công ty TNHH S, mã số thuế 2700924681, với 05 hóa đơn GTGT điện tử có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 4.421.176.000 đồng, thuế GTGT là 442.117.600 đồng.

- Công ty TNHH S1, mã số thuế 0110218880, với 02 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 596.520.623 đồng, thuế GTGT là 59.652.062 đồng.

- Công ty TNHH G, mã số thuế 2400429541, với 06 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 4.105.328.000 đồng, thuế GTGT là 410.532.800 đồng.

- Công ty TNHH Đ2, mã số thuế 2400429541 với 02 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 3.856.616.000 đồng, thuế GTGT là 385.661.600 đồng.

- Công ty TNHH T11, mã số thuế 1001253333 với 02 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.985.100.000 đồng, thuế GTGT là 198.510.000 đồng.

- Công ty TNHH P, mã số thuế 1001257779, với 01 hóa đơn GTGT điện tử có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 734.228.500 đồng, thuế GTGT là 73.422.850 đồng.

- Công ty TNHH MTV P1, mã số thuế 2301183865, với 02 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 807.750.300 đồng, thuế GTGT là 80.775.030 đồng.

- Công ty TNHH H3, mã số thuế 0901102374, với 05 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.553.035.000 đồng, thuế GTGT là 155.303.500 đồng.

- Công ty TNHH A, mã số thuế 2400896578, với 09 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 8.406.510.000 đồng, thuế GTGT là 840.651.000 đồng.

Toàn bộ **85** số hóa đơn nói trên đều được Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn C bán trái phép (xuất hóa đơn không có hàng hóa kèm theo), trong đó:

- Bán thông qua Nguyễn Văn Đ1 cho Công ty TNHH T8 là 25 hoá đơn GTGT với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 29.856.796.100 đồng, thuế GTGT là 2.985.679.610 đồng;

- Bán thông qua Ngô Văn H2 cho các công ty còn lại 60 hoá đơn GTGT với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 46.619.881.100 đồng, thuế GTGT là 4.661.988.110 đồng.

*** Công ty T5 HĐ:** từ tháng 5/2023 đến tháng 6/2023, thực hiện xuất ra **47** hóa đơn GTGT điện tử với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 58.933.466.335 đồng, thuế GTGT là 5.893.346.633 đồng. Cụ thể theo như sau:

- Công ty TNHH X, mã số thuế 2400950472, với 10 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 10.857.680.894 đồng, thuế GTGT là 1.085.768.089 đồng.

- Công ty TNHH T8, mã số thuế 2400798933, với 07 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 16.619.760.150 đồng, thuế GTGT là 1.661.976.015 đồng.

- Công ty TNHH T9, mã số thuế 2400910399, với 09 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 15.431.713.000 đồng, thuế GTGT là 1.543.171.300 đồng.

- Công ty TNHH T11, mã số thuế 1001253333, với 01 hóa đơn GTGT điện tử có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 963.550.000 đồng, thuế GTGT là 96.355.000 đồng.

- Công ty TNHH S, mã số thuế 2700924681, với 01 hóa đơn GTGT điện tử có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 237.649.500 đồng, thuế GTGT là 23.764.950 đồng.

- Công ty TNHH P, mã số thuế 1001257779, với 02 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.152.349.900 đồng, thuế GTGT là 115.234.990 đồng.

- Công ty TNHH H3, mã số thuế 0901102374, với 06 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 4.360.014.400 đồng, thuế GTGT là 436.001.440 đồng.

- Công ty TNHH D, mã số thuế 1001230079, với 01 hóa đơn GTGT điện tử có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 1.972.410.000 đồng, thuế GTGT là 197.241.000 đồng.

- Công ty TNHH Đ2, mã số thuế 2400429541 với 01 hóa đơn GTGT điện tử có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 409.200.000 đồng, thuế GTGT là 40.920.000 đồng.

- Công ty TNHH T12, mã số thuế 1001206319, với 01 hóa đơn GTGT điện tử có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 2.685.916.491 đồng, thuế GTGT là 268.591.649 đồng.

- Công ty TNHH A, mã số thuế 2400896578, với 06 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 4.207.522.000 đồng, thuế GTGT là 420.752.200 đồng.

- Công ty cổ phần B2, mã số thuế 0103824584, với 02 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 35.700.000 đồng, thuế GTGT là 3.570.000 đồng.

Toàn bộ **47** hóa đơn nói trên đều được Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn C bán trái phép bán trái phép (xuất hóa đơn không có hàng hóa kèm theo), trong đó:

- Bán thông qua Nguyễn Văn Đ1 cho Công ty TNHH T8 07 hoá đơn GTGT với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 16.619.760.150 đồng, thuế GTGT là 1.661.976.015 đồng.

- Bán thông qua Ngô Văn H2 cho các công ty còn lại 40 hoá đơn GTGT với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 42.313.706.185 đồng, thuế GTGT là 4.231.370.618 đồng.

*** Công ty T6:** Từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023, thực hiện xuất ra **29** hóa đơn GTGT điện tử với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 34.801.375.000 đồng, thuế GTGT là 3.480.137.500 đồng. Cụ thể như sau:

- Công ty cổ phần G1, mã số thuế 0202045395 với 10 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 8.240.858.500 đồng, thuế GTGT là 824.085.850 đồng.

- Công ty TNHH T8, mã số thuế 2400798933 với 04 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 8.092.988.500 đồng, thuế GTGT là 809.298.850 đồng.

- Công ty TNHH T9, mã số thuế 2400910399 với 11 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 15.177.313.000 đồng, thuế GTGT là 1.517.731.300 đồng.

- Công ty TNHH G, mã số thuế 2400905617 với 03 hóa đơn GTGT điện tử có tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 2.639.510.000 đồng, thuế GTGT là 263.951.000 đồng.

- Công ty TNHH A, mã số thuế 2400896578 với 01 hóa đơn GTGT điện tử có giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 650.705.000 đồng, thuế GTGT là 65.070.500 đồng.

Toàn bộ **29** hóa đơn nói trên đều được Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn C bán trái phép bán trái phép (xuất hóa đơn không có hàng hóa kèm theo), trong đó:

- Bán thông qua Nguyễn Văn Đ1 cho Công ty TNHH T8 04 hoá đơn GTGT với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 8.092.988.500 đồng, thuế GTGT là 809.298.850 đồng.

- Bán thông qua Ngô Văn H2 cho các công ty còn lại 25 hoá đơn GTGT với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 26.708.386.500 đồng, thuế GTGT là 2.670.838.650 đồng.

Tổng số hóa đơn Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C bán trái phép từ 03 công ty T4 HĐ, Hùng Mạnh HĐ và T6 là **161** số hóa đơn GTGT điện tử, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 170.211.518.536 đồng, tiền GTGT là 17.021.039.503 đồng.

Tổng số hóa đơn Nguyễn Văn Đ1 môi giới bán trái phép từ các công ty nói trên là 36 số hóa đơn GTGT điện tử, với tổng giá trị tiền chưa bao gồm thuế GTGT là 54.569.544.750 đồng, tiền GTGT là 5.456.954.475 đồng.

Ngày 06/02/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Y có Quyết định trưng cầu giám định số 90/QĐ-CSHS, trưng cầu Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Cục thuế tỉnh Y giám định, xác định thiệt hại về tiền thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp vào Ngân sách Nhà nước của Công ty T4 HĐ, Công ty T5 HĐ, Công ty T6 trong việc thực hiện hành vi xuất bán trái phép hóa đơn GTGT điện tử khi không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo và kê khai khấu trừ của hóa đơn không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo tại các kỳ tính thuế trong năm 2023 và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023.

Ngày 26/02/2025, Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực thuế thuộc Cục thuế tỉnh Y có bản kết luận giám định đã xác định: Không đủ căn cứ để kết luận thiệt hại về thuế GTGT, thiệt hại về thuế TNDN với Ngân sách Nhà nước của Công ty T4 HĐ, Công ty T5 HĐ, Công ty T6.

*** Về việc thu lợi bất chính:**

- Đối với 36 hóa đơn xuất bán trái phép cho Công ty T8 có ghi tổng số tiền chưa thuế là 54.569.544.750 đồng, được Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn C bán thông qua Nguyễn Văn Đ1 với giá tính bằng 1,2% của tổng số tiền hóa đơn chưa thuế (1,2% x 54.569.544.750 đồng = 654.834.537đồng). Còn Nguyễn Văn Đ1 lại môi giới bán hóa đơn cho một người tên T3 với giá tính bằng 1,5% của tổng số tiền hóa đơn chưa thuế để Đ1 được hưởng lợi 0,3% tổng số tiền hóa đơn chưa thuế.

Thực tế, Đ1 đã nhận được của T3 tiền mua hóa đơn là 440.000.000 đồng, Đ1 đã thanh toán cho C 400.000.000 đồng và giữ lại 40.000.000 đồng; số tiền còn lại là 254.834.537 đồng chưa thanh toán, nhưng khi bị cơ quan chức năng cảnh báo thuế thì Đ1 và C đã thống nhất với nhau không thanh toán số tiền đó nữa. Sau khi nhận 400.000.000 đồng nhận từ Đệ, thì Nguyễn Văn C đã đưa cho Nguyễn Văn B 200.000.000 đồng và giữ lại 200.000.000 đồng cho bản thân.

- Đối với 125 hóa đơn xuất bán trái phép cho các công ty còn lại, B và C bán thông qua Ngô Văn H2 thì không thống nhất với nhau về số tiền mua bán trái phép hóa đơn, mà khi nào có tiền thì H2 sẽ chủ động thanh toán cho C. Thực tế Ngô Văn H2 đã thanh toán cho Nguyễn Văn C tổng số tiền là 100.000.000 đồng, sau đó C đã đưa cho B 50.000.000 đồng và giữ lại 50.000.000 đồng cho bản thân.

Như vậy, Nguyễn Văn B thu lời bất chính 250.000.000 đồng; Nguyễn Văn C thu lời bất chính 250.000.000 đồng; Nguyễn Văn Đ1 thu lời bất chính 40.000.000 đồng. Đối với Ngô Văn H2 đã chết ngày 13/9/2024 nên không xác định được số tiền thu lời bất chính.

- Ngày 21/02/2025, các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền thu lời bất chính, cụ thể: Nguyễn Văn B nộp được 50.000.000 đồng; Nguyễn Văn C nộp được 50.000.000 đồng; Nguyễn Văn Đ1 nộp được 40.000.000 đồng.

- Ngày 23/6/2025, bị cáo Nguyễn Văn B nộp thêm 150.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn C nộp thêm 170.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-P2 ngày 09/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Bốn, Nguyễn Văn Chuẩn về tội "Mua bán trái phép hoá đơn" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ1 về tội "Mua bán trái phép hoá đơn" theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 27/6/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai) đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C phạm tội "Mua bán trái phép hoá đơn".

- Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù; phạt bổ sung 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam 04 tháng 27 ngày (từ ngày 11/10/2024 đến ngày 08/3/2025).

- Căn cứ điểm a, d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 (Ba) năm tù; phạt bổ sung 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ1; biệp pháp tư pháp; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/7/2025, các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có ý kiến thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm a, d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và mức hình phạt tù là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C, mỗi bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện là đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Văn Đ1, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Cuối năm 2022, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C đã bàn bạc, thống nhất cùng nhau thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn cho các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu để thu lợi bất chính. Từ đầu năm 2023, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C sử dụng các Công ty Thành Công HĐ, Công ty T5 HĐ, Công ty T6 xuất bán tổng cộng 161 số hóa đơn GTGT điện tử không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho nhiều công ty, doanh nghiệp ở nhiều địa phương, thu lời bất chính số tiền 500.000.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C thực hiện hành vi mua bán trái phép trên 30 hoá đơn đã ghi nội dung, thu lời bất chính số tiền trên 100.000.000 đồng là tình tiết định khung theo điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự. Bởi hành vi nêu trên, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" quy định tại điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn B là người khởi xướng thành lập các Công ty để bán hóa đơn, bàn bạc với Nguyễn Văn C về nhiệm vụ của mỗi bị cáo để thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể Bốn quản lý toàn bộ hồ sơ pháp lý, con dấu, tài khoản ngân hàng, số điện thoại B, trực tiếp hoàn thiện các thủ tục giấy tờ, tài liệu, hợp đồng… khi xuất hóa đơn trái phép, ký mạo danh tên giám đốc các công ty; nhận, chuyển tiền khi các công ty mua hóa đơn chuyển vào tài khoản công ty xuất hóa đơn, từ công ty xuất hóa đơn chuyển lại tiền theo yêu cầu của khách hàng; bị cáo C tìm kiếm khách hàng mua hóa đơn, giao dịch bàn bạc trao đổi việc bán hoá đơn trái phép, nhận các hồ sơ tài liệu, giấy tờ, hợp đồng liên quan việc xuất hóa đơn. Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C cùng nhau thực hiện nên chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo B giữ vai trò chính, bị cáo C là người thực hành tích cực giữ vai trò thứ hai; Việc cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo có sự bàn bạc, thống nhất, phân công nội

dung thực hiện, thể hiện sự cấu kết chặt chẽ thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, trong đó bị cáo B giữ vai trò vừa là người tổ chức, vừa là người thực hành, bị cáo C là người thực hành, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung phạm tội "có tổ chức" theo điểm a khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp, bất lợi cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, nên cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết định khung này đối với hai bị cáo.

[4]. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét vị trí, vai trò, nhân thân, áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Trên cơ sở tính chất hành vi phạm tội, Tòa án cấp sơ thẩm cách ly các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, nhằm cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo đều ăn năn hối cải, trình bày trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, bố mẹ già yếu, con nhỏ, vợ chồng ly hôn, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, bản thân hai bị cáo là anh em ruột. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn C xuất trình đơn xác nhận là người thờ cúng Liệt sĩ, Quyết định trợ cấp thờ cúng Liệt sĩ.... đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý thuế, tài chính của Nhà nước; gây thất thoát nguồn thu ngân sách của Nhà nước. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn B giữ vai trò chính đối, nên hình phạt cao hơn bị cáo Nguyễn Văn C, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền hưởng lợi đã khắc phục toàn bộ, đồng thời cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết định khung theo điểm a khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho hai bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Hà Nội có căn cứ và được chấp nhận.

[6] Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C kháng cáo được chấp nhận, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C.

2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai), cụ thể như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C phạm tội "Mua bán trái phép hoá đơn".

2.1. Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 11/10/2024 đến ngày 08/3/2025.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn B 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.2. Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn C 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn C không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Các bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Đình Lực